TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIẾN XƯƠNG** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 13 – 6 – 2024
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Xuân Bằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị Duyên;

Bà Bùi Thị Ngoan.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thu Ngoan- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa***: Bà Bùi Thị Thu Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2024/TLST- HNGĐ , ngày 08 tháng 4 năm 2024, về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con ", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 25/2024/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Vũ Văn B, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn An Th, xã L, huyện K, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Chị Phan Thị Th - sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn An Th, xã L, huyện K, tỉnh Thái Bình.

(Anh B có đơn xin vắng mặt, chị Th vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ đã được thu thập thì nguyên đơn anh Vũ Văn B trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Văn B và chị Phan Thị Th đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã L vào ngày 23/4/1992. Sau khi đăng ký kết hôn anh

B và chị Th được hai bên gia đình tổ chức lễ thành hôn, vợ chồng anh B và chị Th về chung sống cùng với gia đình anh B tại xã L, huyện K, tỉnh Thái Bình. Vợ chồng anh B và chị Th chung sống hoà thuận hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân của mâu thuần là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và không tìm được tiếng nói chung trong việc làm ăn kinh tế xây dựng cuộc sống chung của gia đình. Vợ chồng anh B, chị Th đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay, không hỏi han, quan tâm đến nhau, nay anh B xác định tình cảm vợ chồng giữa anh B và chị Th không còn, anh B đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Th.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng anh B và chị Th có 03 con chung là Vũ Mạnh C sinh ngày 24/01/1993; Vũ Thị Như Qu sinh ngày 11/01/2003 (hiện con C và con Q đã trên 18 tuổi, đã trưởng thành và hoàn toàn tự lập); Vũ Tiến Mi sinh ngày 13/9/2011hiện đang sống cùng mẹ (chị Thuý). Ly hôn, anh B đề nghị Toà án giải quyết đối với con C và con Q đã trên 18 tuổi, hiện đã trưởng thành và hoàn toàn tự lập anh B không đề nghị Toà án giải quyết về việc nuôi dưỡng con Cường và con Quỳnh, để chị Th được trực tiếp nuôi dưỡng con Minh, anh B có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con Minh là 1.500.000đồng/ tháng cho đến khi con Minh đủ 18 tuổi, anh Bằng đề nghị được quyền thăm nom con, chăm sóc giáo dục con chung theo quy định của pháp luật (con Minh có nguyện vọng xin được ở với mẹ).

- Về quan hệ tài sản: Anh B trình bày, không yêu cầu toà án giải quyết về tài sản.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn là chị Phan Thị Th có đơn gửi Toà án trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Th đồng ý với quan điểm trình bày về quan hệ hôn nhân mà nguyên đơn anh B đã trình bày tại Toà án, chị Th đồng ý ly hôn với anh B.

- Về quan hệ con chung: Chị Th đồng ý quan điểm trình bày về con cái của vợ, chồng anh B và chị Th, như nguyên đơn anh Bằng đã trình bày. Bị đơn chị Th đề nghị Toà án giải quyết cho chị trực tiếp được nuôi con Vũ Tiến Minh và yêu cầu anh B đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con Minh cùng chị cho đến khi con Minh trưởng thành.

- Về quan hệ tài sản: Bị đơn chị Th, không có yêu cầu gì.

Xác minh tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Kiến Xương nơi cư trú của các đương sự: UBND xã L cung cấp, anh Bằng và chị Th đều có hộ khẩu thường trú tại xã L, huyện K, anh B và chị Th có làm thủ tục đăng ký kết hôn vào ngày 23/4/1992. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng anh B, chị Th thường xuyên xảy ra sự việc cãi chửi nhau, địa phương đã tiến hành hoà giải nhưng không thành, chị Th và anh B sống ly thân từ khoảng năm 2022 đến nay, chị Th chuyển về sống cùng bố mẹ đẻ ở cùng thôn, chị Th và anh B không ai quan tâm đến ai. Nay anh B khởi kiện xin ly hôn với chị Th, đề nghị Toà án giải quyết cho vợ chồng anh B và chị Th chị được ly hôn. Vợ chồng anh B và chị Th có 03 con chung là cháu Vũ Mạnh

C, sinh ngày 24/01/1993,Vũ Thị Như Qu, sinh ngày 11/01/2003 đều đã trưởng thành và tự lập về mọi mặt, còn cháu Vũ Tiến M, sinh ngày 13/9/2011 hiện đang ở với chị Th, đề nghị Toà án giải quyết về con chung theo quy định của pháp luật.

Xác minh bố đẻ bị đơn chị Phan Thị Th là ông Phan Trung Đ trình bày: Vợ chồng anh B và chị Th khoảng từ năm 2022 đến nay có phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính xảy ra mâu thuẫn là do anh B chơi bài bạc, kinh tế sa sút, vợ chồng phải bán nhà để trang trải nợ nần và sau đó sống mỗi người một nơi, hiện nay chị Th đã đưa con về sống chung cùng gia đình ông Đoàn. Toà án gửi văn bản tố tụng cho chị Thuý thông qua địa chỉ của nhà ông Đ, chị Th đều nhận được văn bản tố tụng của Toà án, tuy nhiên do chị Th bận công việc phải làm của bản thân, nên chị Th không thể lên toà án làm việc được. Ông Đoàn cam kết nếu nhận được các văn bản của Toà án gửi cho chị Th ông Đoàn sẽ nhận và giao tận tay cho chị Th trong ngày để chị Thuý thực hiện quyền và nghĩa vụ của chị Th. Ông Đoàn đề nghị Toà án giải quyết cho anh Bằng và chị Th được ly hôn, đề nghị Toà án giao con Minh cho chị Thuý trực tiếp nuôi dưỡng, hiện chị Thuý có công việc làm, có thu nhập và có chỗ ở ổn định. Về tài sản chung và nợ chung của vợ, chồng anh B và chị Th không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký phiên toà và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự (sau đây viết tắt là Bộ luật TTDS). Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của Bộ luật TTDS. Bị đơn chưa thực hiện đúng hết các quy định của Bộ luật TTDS. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 (sau đây viết tắt là Luật HNGĐ), xử cho anh B được ly hôn với chị Th; về quan hệ con chung: Giao cho chị Th được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Tiến Minh sinh ngày 13/9/2011, anh B có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con Minh cùng chị Th là 1.500.000 đồng/tháng, thời điểm đóng góp cấp dưỡng kể từ tháng 6 năm 2024 cho đến khi con Minh đủ 18 tuổi, anh B có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; về quan hệ tài sản: Các đương sự không có yêu cầu, không đặt ra giải quyết. Về án phí: Anh B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ váo các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh B xin ly hôn với bị đơn chị Th, chị Th có địa chỉ tại xã L, huyện K, tỉnh Thái Bình căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật TTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền

giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật TTDS. Tại phiên toà sơ thẩm nguyên đơn anh B có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn chị Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, nhưng bị đơn chị Th có đơn gửi Toà án trình bày không đến Toà án làm việc được, căn cứ vào điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật TTDS, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo trình tư chung.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn anh Bằng và bị đơn chị Th tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 23/4/1992 tại UBND xã L, huyện Kiến Xương là hôn nhân hợp pháp, sau khi kết hôn anh B và chị Th chung sống hoà thuận hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân của mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và không tìm được tiếng nói chung trong việc làm ăn kinh tế xây dựng cuộc sồng chung của gia đình. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay không hỏi han quan tâm đến nhau, sống bỏ mặc nhau muốn ai sống thế nào thì sống, nay anh B xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh B xin ly hôn chị Th; chị Th cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh B xin ly hôn, chị Th đồng ý ly hôn. Như vậy, có căn cứ về việc vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc giúp đỡ nhau, hôn nhân giữa anh B và chị Th vì thế đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử thấy rằng cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn anh B, áp dụng áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật HNGĐ, để giải quyết cho ly hôn.

[2.2] Về quan hệ con chung: Vợ, chồng anh B và chị Th có 03 con chung là Vũ Mạnh C, sinh ngày 24/01/1993,Vũ Thị Như Qu sinh ngày 11/01/2003 và Vũ Tiến Minh sinh ngày 13/9/2011. Hiện con C và con Qu đã trưởng thành và hoàn toàn tự lập nguyên đơn anh B không đề nghị Toà án giải quyết về việc nuôi con C và con Q nên Hội đồng xét xử không đăt ra giải quyết. Đối với M hiện đang sống cùng chị Th, nguyện vọng của con Minh là muốn được ở với mẹ, ly hôn nguyên đơn anh B đề nghị Toà án giao con Minh cho bị đơn chị Th được trực tiếp nuôi dưỡng, anh B có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con Minh là 1.500.000 đồng/tháng, bị đơn chị Thuý cũng xin được trực tiếp nuôi con Minh và yêu cầu anh Bằng đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cùng chị Th. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy rằng, bị đơn chị Th hiện có việc làm, có thu nhập và có chỗ ở có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con Minh, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con Minh cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc nuôi con, áp dụng các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật HNGĐ, để giao con Minh cho bị đơn chị Th được trực tiếp nuôi dưỡng, buộc anh B phải đóng góp tiền cấp dương nuôi con Minh cùng chị Th là 1.500.000 đồng/01 tháng, thời điểm đóng góp cấp dưỡng nôi con tính từ tháng 6/2024 cho đến khi con Minh đủ 18 tuổi, các bên có quyền thăm nom, chăm lo và

giáo dục con chung không ai được cản trở và có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con khi cần thiết.

[3] Về quan hệ tài sản: Do các bên đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về tài sản.

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật TTDS; Điều 26, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 31/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội, nguyên đơm anh Bằng phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho nguyên đơn anh Vũ Văn B được ly hôn bị đơn chị Phan Thị Th.

3. Về quan hệ con chung: Giao cho bị đơn chị Phan Thị Th được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Tiến M sinh ngày 13/9/2011. Nguyên đơn anh Vũ Văn B có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con Vũ Tiến M cho bị đơn chị Th số tiền 1.500.000 đồng/tháng, thời gian đòng góp tiền cấp dưỡng nuôi con Vũ Tiến M tính từ tháng 6 năm 2024 cho đến khi con Vũ Tiến M đủ 18 tuổi. các bên có quyền thăm nom, chăm lo và giáo dục con chung không ai được cản trở và có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con khi cần thiết.

4. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Anh Vũ Văn B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tổng là 600.000 đồng án phí. Chuyển số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà anh B đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002094 ngày 08/4/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiến Xương thành tiền án phí, anh Vũ Văn B còn phải nộp tiếp 300.000 đồng án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Vũ Văn B và bị đơn chị Phan Thị Th vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Kiến Xương;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã i;
- Lưu: hồ sơVA , vp TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Trần Xuân Bằng